

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223240146	Bùi Hoài	An	25/01/2004	02YS15A2	6,8	6,0	6,3		3,7		4,7	Đạt
2	2223240198	Nguyễn Nguyễn Ngọc Hải	Anh	17/08/1999	02YS15A2	7,3	6,5	6,8		8,7		7,9	Đạt
3	2223240266	Hoàng Quế	Anh	21/08/2003	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
4	2223180092	Huỳnh Thị Trường	Chinh	13/01/1980	02YS15A2	7,5	6,8	7,0		4,5		5,5	Đạt
5	2223240225	Nguyễn Quốc	Đạt	19/11/2004	02YS15A2	7,0	4,5	5,3		6,8		6,2	Đạt
6	2223240191	Lại Gia	Định	09/08/2004	02YS15A2	7,3	5,0	5,8		7,5		6,8	Đạt
7	2223240223	Hồ Đức	Duy	06/12/2004	02YS15A2	6,8	0,0	2,3	TBKT	0,0		0,9	Học lại
8	2223180030	Nguyễn Thụy Phương	Hằng	19/06/1996	02YS15A2	7,8	6,0	6,6		8,3		7,6	Đạt
9	2223180095	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	04/12/2004	02YS15A2	7,0	6,3	6,5		7,8		7,3	Đạt
10	2223240196	Trần Thanh	Hậu	22/11/2003	02YS15A2	6,5	6,0	6,2		7,0		6,7	Đạt
11	2223240092	Nguyễn Văn	Huy	14/11/2003	02YS15A2	7,0	3,8	4,8	TBKT	0,0		1,9	Học lại
12	2223240203	Lê Đức	Huy	22/02/2004	02YS15A2	7,3	6,3	6,6		8,3		7,6	Đạt
13	2223240083	Trần Thị Kim	Huyền	15/05/2003	02YS15A2	7,3	4,5	5,4		3,3		4,1	Đạt
14	2223240202	Nguyễn Đăng	Khoa	14/08/2004	02YS15A2	7,0	4,5	5,3		0,0		2,1	Thi lại
15	2223180073	Phạm Thị Thuý	Linh	27/06/1985	02YS15A2			0,0	TBKT			0,0	Học lại
16	2223240226	Lê Thị Khánh	Linh	08/10/2004	02YS15A2			0,0	TBKT			0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	2223240262	Đình Quang	Minh	23/06/2004	02YS15A2	7,0	5,8	6,2		8,8		7,7	Đạt
18	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02YS15A2	7,0	6,8	6,8		8,3		7,7	Đạt
19	2223240200	Dương Hồ Nhật	Nam	31/07/2004	02YS15A2	7,0	3,5	4,7	TBKT	0,0		1,9	Học lại
20	2223180050	Nguyễn Thị Thúy	Nga	07/03/1985	02YS15A2	8,0	7,8	7,8		8,5		8,2	Đạt
21	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02YS15A2	7,0	4,5	5,3		5,0		5,1	Đạt
22	2223240195	Đào Tấn	Nhật	27/04/2004	02YS15A2	6,8	6,3	6,4		7,3		6,9	Đạt
23	2223240235	Trịnh Thị Yến	Nhi	30/12/2004	02YS15A2	7,5	6,8	7,0		8,0		7,6	Đạt
24	2223240111	Nguyễn Thị Tố	Như	02/10/2002	02YS15A2	7,0	5,5	6,0		7,3		6,8	Đạt
25	1223180033	Bành Ngọc Quỳnh	Như	14/06/1997	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
26	2223240207	Võ Phan Kiều	Oanh	19/11/2004	02YS15A2	7,0	5,8	6,2		8,3		7,4	Đạt
27	2223180025	Dương Hồng	Phong	05/09/1991	02YS15A2	8,5	8,0	8,2		9,8		9,1	Đạt
28	2223240112	Trần Anh	Quốc	13/07/2002	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
29	2223240218	Nguyễn Đình	Son	01/06/2004	02YS15A2	7,3	6,0	6,4		6,0		6,2	Đạt
30	2223240253	Nguyễn Đăng	Sỹ	23/08/2004	02YS15A2	7,3	6,5	6,8		6,5		6,6	Đạt
31	2223240244	Nguyễn Phước	Tài	16/09/1998	02YS15A2	7,5	6,5	6,8		8,3		7,7	Đạt
32	2223240217	Thái Thị Phương	Tâm	23/04/2004	02YS15A2	7,5	6,3	6,7		5,0		5,7	Đạt
33	2223240139	Lê Thanh	Thiên	19/07/1991	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
34	2223240240	Đặng Thị Lệ	Thu	31/07/2001	02YS15A2	7,3	5,3	5,9		7,8		7,0	Đạt
35	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02YS15A2	7,8	6,5	6,9		9,7		8,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
36	2223240216	Võ Thị Hoài	Thương	23/02/2004	02YS15A2	7,3	5,3	5,9		7,0		6,6	Đạt
37	2223240174	Trương Kim	Thùy	08/04/2004	02YS15A2	7,3	7,0	7,1		8,5		7,9	Đạt
38	2223240220	Nguyễn Thị Phương	Thùy	25/11/2004	02YS15A2	7,3	6,0	6,4		8,2		7,5	Đạt
39	2223240028	Trần Tiến	Tới	13/09/2003	02YS15A2	7,5	7,8	7,7		9,5		8,8	Đạt
40	2223180023	Trịnh Thị Thùy	Trang	24/12/1999	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
41	2223240065	Nguyễn Ngọc	Triu	25/04/1998	02YS15A2	7,5	6,5	6,8		8,2		7,7	Đạt
42	2223240182	Nguyễn Hoàng Thanh	Trọng	12/10/2004	02YS15A2	7,0	7,3	7,2		7,5		7,4	Đạt
43	2223240212	Nguyễn Quốc	Trung	01/01/2004	02YS15A2	7,5	5,3	6,0		4,3		5,0	Đạt
44	1223240028	Phạm Thị Thúy	Vân	03/03/1992	02YS15A2	7,8	7,3	7,4		9,8		8,8	Đạt
45	2223240179	Nguyễn Thị Thanh Hải	Ý	29/08/1993	02YS15A2	7,3	7,3	7,3		6,7		6,9	Đạt
46	2223180093	Nguyễn Phương	Thảo	20/11/1998	02YS15A2	6,5	7,0	6,8		9,8		8,6	Đạt
47	2223240291	Trịnh Giang	Thanh	23/08/2001	02YS15A2	7,3	6,8	6,9		9,0		8,2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: DƯỢC LÝ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223240146	Bùi Hoài	An	25/01/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		7,5		8,1	Đạt
2	2223240198	Nguyễn Nguyễn Ngọc Hải	Anh	17/08/1999	02YS15A2	9,0	8,5	8,7		7,5		8,0	Đạt
3	2223240266	Hoàng Quế	Anh	21/08/2003	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
4	2223180092	Huỳnh Thị Trường	Chinh	13/01/1980	02YS15A2	9,0	5,0	6,3		4,7		5,4	Đạt
5	2223240225	Nguyễn Quốc	Đạt	19/11/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		7,8		8,3	Đạt
6	2223240191	Lại Gia	Định	09/08/2004	02YS15A2	6,5	9,0	8,2		4,5		6,0	Đạt
7	2223240223	Hồ Đức	Duy	06/12/2004	02YS15A2	5,5	7,0	6,5		3,2		4,5	Đạt
8	2223180030	Nguyễn Thụy Phương	Hằng	19/06/1996	02YS15A2	9,5	8,5	8,8		7,8		8,2	Đạt
9	2223180095	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	04/12/2004	02YS15A2	9,0	7,5	8,0		7,7		7,8	Đạt
10	2223240196	Trần Thanh	Hậu	22/11/2003	02YS15A2	8,5	8,0	8,2		4,5		6,0	Đạt
11	2223240092	Nguyễn Văn	Huy	14/11/2003	02YS15A2	8,0	7,5	7,7		4,8		5,9	Đạt
12	2223240203	Lê Đức	Huy	22/02/2004	02YS15A2	9,5	8,5	8,8		6,8		7,6	Đạt
13	2223240083	Trần Thị Kim	Huyền	15/05/2003	02YS15A2	7,0	5,0	5,7		6,0		5,9	Đạt
14	2223240202	Nguyễn Đăng	Khoa	14/08/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		0,0		3,6	Thi lại
15	2223360590	Thiều Thị Cẩm	Liên	10/11/2004	02YS15C2	9,5	8,0	8,5		8,3		8,4	Đạt
16	2223180073	Phạm Thị Thuý	Linh	27/06/1985	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
17	2223240226	Lê Thị Khánh	Linh	08/10/2004	02YS15A2	4,0	0,0	1,3	TBKT	0,0		0,5	Học lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: DƯỢC LÝ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
18	2223240262	Đinh Quang	Minh	23/06/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
19	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02YS15A2	9,0	8,0	8,3		7,7		8,0	Đạt
20	2223240200	Dương Hồ Nhật	Nam	31/07/2004	02YS15A2	6,5	8,0	7,5		2,0		4,2	Đạt
21	2223180050	Nguyễn Thị Thúy	Nga	07/03/1985	02YS15A2	8,0	6,5	7,0		7,5		7,3	Đạt
22	2203360279	Nguyễn Khánh	Ngân	21/09/2003	02YS15C2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
23	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02YS15A2	8,5	7,5	7,8		4,0		5,5	Đạt
24	2223240195	Đào Tấn	Nhật	27/04/2004	02YS15A2	9,0	8,5	8,7		7,8		8,1	Đạt
25	2223240235	Trịnh Thị Yến	Nhi	30/12/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		5,0		6,6	Đạt
26	2223240111	Nguyễn Thị Tố	Như	02/10/2002	02YS15A2	9,0	7,0	7,7		6,5		7,0	Đạt
27	1223180033	Bành Ngọc Quỳnh	Như	14/06/1997	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
28	2223240207	Võ Phan Kiều	Oanh	19/11/2004	02YS15A2	8,5	7,5	7,8		8,7		8,4	Đạt
29	2223180025	Dương Hồng	Phong	05/09/1991	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		8,2		8,5	Đạt
30	2223240112	Trần Anh	Quốc	13/07/2002	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
31	2223240218	Nguyễn Đình	Sơn	01/06/2004	02YS15A2	9,5	9,5	9,5		4,7		6,6	Đạt
32	2223240253	Nguyễn Đăng	Sỹ	23/08/2004	02YS15A2	5,0	8,5	7,3		3,8		5,2	Đạt
33	2223240244	Nguyễn Phước	Tài	16/09/1998	02YS15A2	9,5	7,5	8,2		4,3		5,8	Đạt
34	2223240217	Thái Thị Phương	Tâm	23/04/2004	02YS15A2	9,0	8,5	8,7		5,0		6,5	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: DƯỢC LÝ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
35	2223240139	Lê Thanh	Thiên	19/07/1991	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
	2223240291	Trịnh Giang	Thanh	23/08/2001	02YS15A2	9,5	9,0	9,2		8,7			
	2223180093	Nguyễn Phương	Thảo	20/11/1998	02YS15A2	9,5	9,0	9,2		8,8			
110	2223240240	Đặng Thị Lệ	Thu	31/07/2001	02YS15A2	9,5	8,0	8,5		7,3		7,8	Đạt
111	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02YS15A2	9,5	8,0	8,5		9,0		8,8	Đạt
112	2223240216	Võ Thị Hoài	Thương	23/02/2004	02YS15A2	9,0	7,5	8,0		6,2		6,9	Đạt
113	2223240174	Trương Kim	Thùy	08/04/2004	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		6,8		7,7	Đạt
114	2223240220	Nguyễn Thị Phương	Thùy	25/11/2004	02YS15A2	7,5	7,0	7,2		8,8		8,1	Đạt
115	2223240028	Trần Tiến	Tối	13/09/2003	02YS15A2	9,5	9,0	9,2		9,2		9,2	Đạt
116	2223180023	Trịnh Thị Thùy	Trang	24/12/1999	02YS15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
117	2223240065	Nguyễn Ngọc	Triu	25/04/1998	02YS15A2	9,5	8,5	8,8		7,7		8,2	Đạt
118	2223240182	Nguyễn Hoàng Thanh	Trọng	12/10/2004	02YS15A2	9,5	9,5	9,5		7,7		8,4	Đạt
119	2223240212	Nguyễn Quốc	Trung	01/01/2004	02YS15A2	7,0	8,5	8,0		3,7		5,4	Đạt
120	1223240028	Phạm Thị Thúy	Vân	03/03/1992	02YS15A2	9,5	9,0	9,2		9,5		9,4	Đạt
121	2223240179	Nguyễn Thị Thanh Hải	Ý	29/08/1993	02YS15A2	9,0	7,5	8,0		5,0		6,2	Đạt